

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THANH THẢO NGUYỄN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI THANH THẢO NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH THAO NGUYEN TRADING SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109845358

3. Ngày thành lập: 06/12/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 69 Đường Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02485888818

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
4.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại cầm)	4620
9.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
10.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
11.	Bán buôn đồ uống	4633
12.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
18.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
19.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất; Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4669
22.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
23.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
24.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
25.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
26.	Khai thác thủy sản biển	0311
27.	Khai thác thủy sản nội địa	0312

28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hoạt động báo chí)	8230
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
30.	Giáo dục nhà trẻ	8511
31.	Giáo dục mẫu giáo	8512
32.	Giáo dục tiểu học	8521
33.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
34.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
35.	Đào tạo sơ cấp	8531
36.	Đào tạo trung cấp	8532
37.	Đào tạo cao đẳng	8533
38.	Đào tạo đại học	8541
39.	Đào tạo thạc sỹ	8542
40.	Đào tạo tiến sỹ	8543
41.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
42.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật Chi tiết: - Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác; Dạy nhảy; Dạy nghệ thuật biểu diễn - Dạy nhiếp ảnh (trừ hoạt động mang tính thương mại).	8552
43.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục dự bị; Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy đọc nhanh	8559
44.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
45.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ Hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
46.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
47.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
48.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
49.	Lập trình máy vi tính	6201
50.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
51.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
52.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

53.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
54.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ môi giới bất động sản (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
55.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020
56.	Quảng cáo	7310
57.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
58.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Dịch vụ thiết kế đồ thị	7410
59.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ - Sản xuất phim - Hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
60.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ đa dạng phục vụ khách hàng tiêu dùng. Gồm những hoạt động có kỹ năng chuyên môn, khoa học và công nghệ: - Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ; - Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Hoạt động đánh giá trừ bất động sản và bảo hiểm (cho đồ cổ, đồ trang sức...); - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý... - Tư vấn thực hiện đánh giá môi trường chiến lược - Tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường - Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
61.	Cho thuê xe có động cơ	7710
62.	Bán buôn tổng hợp	4690
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

64.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong các siêu thị, minimart, trung tâm thương mại, bán nhiều loại hàng hóa: quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá thuốc láo có doanh thu chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác.	4719
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
67.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
68.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
69.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
70.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
71.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
72.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
73.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
74.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính, - Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn... - Sản xuất đồ trang trí: vải viền, quả tua, - Sản xuất nỉ, - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí, - Sản xuất tấm dệt được tẩy, được phủ hoặc tráng nhựa, - Sản xuất sợi kim loại hoá hoặc dây thừng và dây cao su có lớp nguyên liệu dệt phủ ngoài, sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa, - Sản xuất vải bố làm lớp xe bằng sợi nhân tạo có độ bền cao, - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải buồm, lều bạt, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng... - Sản xuất các sản phẩm dệt khác: bắc đèn, mạng đèn măng sông, - Sản xuất bắc đèn măng sông, ống phun nước, băng chuyền, băng tải (bất kể chúng được tăng cường bằng kim loại hoặc vật chất khác hay không), quần áo biển dạng, - Sản xuất vải lót máy móc, - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn, - Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật, - Sản xuất dây giày, - Sản xuất bông đánh phấn và găng tay.	1399
75.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
76.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
77.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
78.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
79.	Sản xuất giày, dép	1520
80.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
81.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

82.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
83.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
84.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
85.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
86.	In ấn	1811
87.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
88.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp, cao su chưa lưu hoá hoặc đã lưu hoá hoặc đã làm cứng như: + Đĩa cao su, tấm, mảnh, thanh cao su, + Ống, vòi cao su, + Sản xuất băng tải, băng truyền bằng cao su, + Đồ dùng vệ sinh bằng cao su: dụng cụ tránh thai cao su, chai chườm nước nóng, + Quần áo bằng cao su (nếu quần áo được sản xuất bằng cách gắn dán, chứ không phải khâu), + Tấm phủ sàn bằng cao su, + Cáp và sợi cao su, + Sợi cao su hoá, + Vòng, thiết bị phụ và chất gắn bằng cao su, + Trục cán bằng cao su, + Đệm hơi cao su, + Sản xuất bóng bay. - Sản xuất chổi cao su; - Sản xuất ống cao su cứng; - Sản xuất lược cao su, lô cuốn tóc cao su và đồ tương tự. - Sản xuất nguyên liệu sửa chữa cao su; - Sản xuất sản phẩm dệt được tráng, phủ cao su với cao su là thành phần chính; - Đệm nước cao su; - Túi tắm bằng cao su; - Quần áo lặn bằng cao su;	2219
89.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
90.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
91.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
92.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
93.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
94.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
95.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Không bao gồm hoạt động sản xuất vàng miếng)	2420
96.	Đúc kim loại màu (Không bao gồm hoạt động sản xuất vàng miếng)	2432
97.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
98.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
99.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
100.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
101.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
102.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
103.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630

104.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
105.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
106.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
107.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất tụ điện, điện trở, và các thiết bị tương tự, máy gia tốc; - Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thủy tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản;	2790
108.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học); - Sản xuất máy cân dùng trong gia đình như : cân hành lý, cân cầu đường, cân khác...	2819
109.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
110.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh; - Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn màn; - Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí; - Bán lẻ trò chơi và đồ chơi; - Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng; - Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh.	4789
111.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
112.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
113.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
114.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
115.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe buýt để đưa đón công nhân, học sinh theo lịch trình, giờ cố định, các điểm đỗ cố định để đón, trả khách.	4929
116.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
117.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	4932
118.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
119.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
120.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

121.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229
122.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
123.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
124.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5911
125.	Hoạt động chiếu phim (khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng qui định pháp luật)	5914
126.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
127.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
128.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
129.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
130.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Loại trừ hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
131.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế	7990
132.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
133.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
134.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
135.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa	3250

136.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như : + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn), + Sản xuất mặt nạ khí ga. - Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... - Sản xuất bàn chải giày, quần áo; - Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không; - Sản xuất lõi bút chì; - Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính; - Sản xuất găng tay;	3290
137.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
138.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
139.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
140.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
141.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
142.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
143.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
144.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
145.	Thu gom rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm)	3812
146.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
147.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm)	3822
148.	Tái chế phế liệu	3830
149.	Xây dựng nhà để ở	4101
150.	Xây dựng nhà không để ở	4102
151.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
152.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
153.	Xây dựng công trình điện	4221
154.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
155.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
156.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229

157.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
158.	Phá dỡ	4311
159.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
160.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
161.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
162.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
163.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói , đá, cát , sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
164.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
165.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ giường tủ , bàn ghế, và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng	4759
166.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
167.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
168.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
169.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
170.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
171.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	BÙI VĂN KIÊN	Việt Nam	Thôn Thống Nhất, Xã Đông Lỗ, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	900.000.000	90,000	001080021469	
2	DƯƠNG THỊ THANH	Việt Nam	Thôn Thống Nhất, Xã Đông Lỗ, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100.000.000	10,000	035181002388	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI VĂN KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/08/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001080021469

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục CS Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Thống Nhất, Xã Đông Lỗ, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thống Nhất, Xã Đông Lỗ, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội